

Số: 10/2026/CBTT-RED

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ

- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1, Lầu 2, The Nexus, 3A-3B Tôn Đức Thắng, P. Sài Gòn, TPHCM
- Điện thoại: 028.3779.1188
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Phạm Thị Lan Hương**
- Email: info@redcapital.vn

Loại thông tin công bố:

24 giờ ☐ 72 giờ ☐ 07 ngày ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

☐

Nội dung công bố thông tin:

- Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Đỏ công bố Thông tin Báo cáo Tài chính năm 2025 đã kiểm toán
- Thông tin chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/03/2026 theo đường dẫn sau:

<https://www.redcapital.vn/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

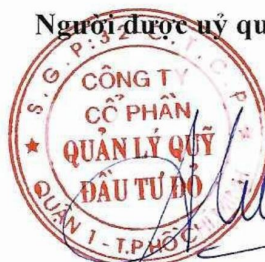
Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Red Capital.

Đính kèm:

Báo cáo Tài chính năm 2025
đã kiểm toán

Người được ủy quyền công bố thông tin



Phạm Thị Lan Hương

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 35

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 01 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty đặt văn phòng tại Phòng 1, Lầu 2, Tòa nhà Nexus, Số 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Long Nguyên	Chủ tịch	Ngày 3 tháng 3 năm 2021
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	Ngày 2 tháng 3 năm 2021
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Ngày 2 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2020
Bà Trương Ngọc Như Quỳnh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Lan Hương	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Đỗ Thị Phương Lan - Tổng Giám đốc của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

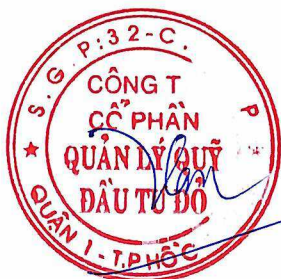
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12950740/68732584

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đò

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đò ("Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		60.613.438.980	43.137.346.360
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	14.462.408.501	23.245.166.686
111	1. Tiền		14.462.408.501	23.245.166.686
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		40.577.417.804	17.539.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	45.008.961.650	18.447.302.995
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6.2	(4.431.543.846)	(908.302.995)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	4.603.853.319	2.183.316.865
132	1. Trả trước cho người bán		45.517.577	48.375.000
133	2. Tạm ứng		-	45.000.000
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		1.178.931.919	2.079.941.865
135	4. Các khoản phải thu khác		3.379.403.823	10.000.000
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		969.759.356	169.862.809
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	969.759.356	169.862.809
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		86.389.362.553	85.615.154.643
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.241.093.835	297.366.676
218	1. Phải thu dài hạn khác	9	1.241.093.835	297.366.676
220	II. Tài sản cố định	10	114.521.182	77.511.446
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10.1	-	-
222	Nguyên giá tài sản cố định		75.717.273	75.717.273
223	Hao mòn tài sản cố định		(75.717.273)	(75.717.273)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10.2	114.521.182	77.511.446
228	Nguyên giá tài sản cố định		763.550.000	666.800.000
229	Hao mòn tài sản cố định		(649.028.818)	(589.288.554)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	85.000.000.000	85.000.000.000
253	1. Đầu tư dài hạn khác		85.000.000.000	85.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		33.747.536	240.276.521
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	33.747.536	240.276.521
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		147.002.801.533	128.752.501.003

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.734.814.155	2.856.382.175
310	I. Nợ ngắn hạn		2.734.814.155	2.856.382.175
312	1. Phải trả người bán		3.886.255	42.723.671
314	2. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	13	1.567.554.954	2.373.664.752
315	3. Phải trả người lao động		616.912.500	58.500.000
316	4. Chi phí phải trả	14	395.488.465	377.023.771
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	150.971.981	4.469.981
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		144.267.987.378	125.896.118.828
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	100.000.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.825.000.000	3.825.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		70.000.000	70.000.000
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		744.401.187	744.401.187
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		744.401.187	744.401.187
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.884.185.004	20.512.316.454
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		147.002.801.533	128.752.501.003

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		21.556.300.000	6.490.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		21.556.300.000	6.490.000.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	2.714.382.913	1.178.136.232
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		2.714.382.913	1.178.136.232
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	105.600.000.000	522.000.000.000
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		105.600.000.000	522.000.000.000

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiêm Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu		35.970.125.477	20.285.139.626
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	35.970.125.477	20.285.139.626
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	20	(5.312.642.297)	(3.802.300.625)
20	4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		30.657.483.180	16.482.839.001
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.318.281.562	7.972.664.753
22	6. Chi phí tài chính	22	(5.681.423.736)	(1.702.411.315)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(9.211.448.052)	(8.072.108.934)
30	8. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		22.082.892.954	14.680.983.505
32	9. Chi phí khác	24	-	(85.000.000)
50	10. Tổng lãi kế toán trước thuế		22.082.892.954	14.595.983.505
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(3.711.024.404)	(2.882.943.438)
60	12. Lãi sau thuế TNDN		18.371.868.550	11.713.040.067
70	13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.837	1.171

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiêm Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm nay tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lãi trước thuế		22.082.892.954	14.595.983.505
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(577.117.562)	(6.139.458.425)
02	- Khấu hao TSCĐ	10	59.740.264	130.795.013
03	- Các khoản dự phòng	6.2	3.523.240.851	908.302.995
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư	21	(4.160.098.677)	(7.178.556.433)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.505.775.392	8.456.525.080
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(29.925.922.268)	17.423.460.734
11	- Tăng các khoản phải trả		1.011.554.982	116.504.053
12	- Giảm chi phí trả trước		(593.367.562)	31.625.201
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(4.844.147.406)	(1.798.687.869)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.775.824.668	3.823.609.589
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(9.070.282.194)	28.053.036.788
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	10	(96.750.000)	(80.000.000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(35.000.000.000)
26	3. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	20.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	21	384.274.009	3.354.946.844
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		287.524.009	(11.725.053.156)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.782.758.185)	16.327.983.632
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	23.245.166.686	6.917.183.054
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	14.462.408.501	23.245.166.686

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiêm Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đở

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

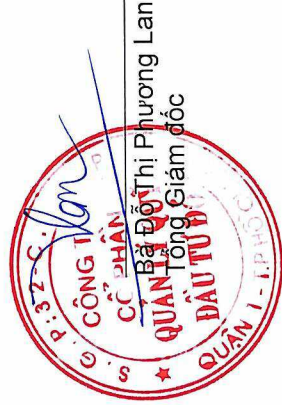
B05-CTQ

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Năm 2024		Năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		3.825.000.000	3.825.000.000	-	-	-	-	3.825.000.000	3.825.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		70.000.000	70.000.000	-	-	-	-	70.000.000	70.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính		744.401.187	744.401.187	-	-	-	-	744.401.187	744.401.187
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		744.401.187	744.401.187	-	-	-	-	744.401.187	744.401.187
6. Lãi chưa phân phối		8.799.276.387	20.512.316.454	13.752.755.099	(2.039.715.032)	25.617.639.570	(7.245.771.020)	20.512.316.454	38.884.185.004
TỔNG CỘNG		114.183.078.761	125.896.118.828	13.752.755.099	(2.039.715.032)	25.617.639.570	(7.245.771.020)	125.896.118.828	144.267.987.378

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2026



Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiêm Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 01 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty đặt văn phòng tại Phòng 1, Lầu 2, Tòa nhà Nexus, Số 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 15 người (31 tháng 12 năm 2024: 15 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba (03) tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng ba (03) tháng đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ tài chính tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 6 năm

4.9 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.12 *Lợi ích của nhân viên*

4.12.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

4.12.2 *Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Các quỹ dự trữ bắt buộc

Công ty áp dụng Thông tư 114/2021/TT-BTC để hạch toán và xử lý số dư quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính đã được trích lập được dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội Cổ đông của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, HĐQT chưa có nghị quyết về việc sử dụng số dư quỹ dự phòng tài chính. Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	-	26.644
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	4.462.408.501	12.730.370.034
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	10.000.000.000	-
Tiền gửi tại công ty chứng khoán	-	10.514.770.008
	14.462.408.501	23.245.166.686

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng, với mức lãi suất 4,75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

6.1 Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu niêm yết				
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	1.162.600	15.561.216.365	-	-
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	440.000	11.727.782.450	-	-
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	305.000	7.251.098.050	-	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)	170.000	4.748.477.378	-	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	50.000	4.827.494.760	-	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT (FPT)	4.000	397.538.380	-	-
- Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS)	9.030	258.924.994	-	-
- CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	15.000	236.429.273	-	-
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	-	-	199.000	12.755.608.776
- Tổng Công ty CP Điện lực dầu khí Việt Nam (POW)	-	-	450.000	5.691.694.219
	2.155.630	45.008.961.650	649.000	18.447.302.995

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ phiếu niêm yết		
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	3.063.266.365	-
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	1.167.782.450	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)	149.977.378	-
- CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	36.179.273	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT (FPT)	14.338.380	-
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	-	616.608.776
- Tổng Công ty CP Điện lực dầu khí Việt Nam (POW)	-	291.694.219
	4.431.543.846	908.302.995

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải thu hoạt động bán chứng khoán	1.900.246.292	685.500.000
Phải thu công ty chứng khoán (*)	1.309.174.024	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.168.931.919	846.941.865
Trả trước cho người bán ngắn hạn	45.517.577	48.375.000
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	10.000.000	547.500.000
Tạm ứng	-	45.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	169.983.507	10.000.000
	4.603.853.319	2.183.316.865

(*) Đây là khoản tiền gửi của công ty tại Công ty chứng khoán cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Trong kỳ Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản mục này từ khoản mục tiền và tương đương tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	797.047.820	-
Chi phí phần mềm trả trước	130.933.536	169.862.809
Chi phí quản lý văn phòng	41.778.000	-
	969.759.356	169.862.809

Thay đổi chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đầu năm	169.862.809	67.575.750
Tăng trong năm	1.963.582.600	1.341.753.150
Phân bổ trong năm	(1.163.686.053)	(1.239.466.091)
Cuối năm	969.759.356	169.862.809

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Đặt cọc dịch vụ taxi	10.000.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng	1.231.093.835	297.366.676
	1.241.093.835	297.366.676

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

10.1 Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	75.717.273
Số dư cuối năm	75.717.273
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(75.717.273)
Số dư cuối năm	(75.717.273)
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75.717.273 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 75.717.273 VND).

10.2 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	526.800.000	140.000.000	666.800.000
Tăng trong năm	96.750.000	-	96.750.000
Số dư cuối năm	623.550.000	140.000.000	763.550.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	(505.993.537)	(83.295.017)	(589.288.554)
Hao mòn trong năm	(33.073.600)	(26.666.664)	(59.740.264)
Số dư cuối năm	(539.067.137)	(109.961.681)	(649.028.818)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.806.463	56.704.983	77.511.446
Tại ngày cuối năm	84.482.863	30.038.319	114.521.182

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 586.800.000 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 264.300.000 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Tỷ lệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Tỷ lệ
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	50.000.000.000	15,63%	50.000.000.000	15,63%
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng Red Three	35.000.000.000	11,67%	35.000.000.000	11,67%
	85.000.000.000		85.000.000.000	

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Công cụ dụng cụ	33.747.536	70.508.187
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	169.768.334
	33.747.536	240.276.521

Thay đổi chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đầu năm	240.276.521	374.188.781
Tăng trong năm	-	66.057.400
Phân bổ trong năm	(206.528.985)	(199.969.660)
Cuối năm	33.747.536	240.276.521

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.984.295.524	3.711.024.404	(4.844.147.406)	851.172.522
Thuế thu nhập cá nhân	389.369.228	1.880.571.659	(1.556.730.467)	713.210.420
Thuế giá trị gia tăng	-	7.847.916	(4.675.904)	3.172.012
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	2.373.664.752	5.602.443.979	(6.408.553.777)	1.567.554.954

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Truy thu thuế và các khoản phạt	274.786.817	274.786.817
Trích trước chi phí kiểm toán	108.000.000	100.000.000
Khác	12.701.648	2.236.954
	395.488.465	377.023.771

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả do thu hộ	146.502.000	-
Khác	4.469.981	4.469.981
	150.971.981	4.469.981

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH VLCC	48.625.000.000	48,625	48.625.000.000	48,625
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	48.625.000.000	48,625	48.625.000.000	48,625
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Kỹ Nguyên Thịnh Vượng	2.750.000.000	2,75	2.750.000.000	2,75
	100.000.000.000		100.000.000.000	

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông - Số cổ phần phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành - Số cổ phần phổ thông	10.000.000	10.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	1.178.136.232	-
Số tăng trong năm	1.172.334.187.003	12.418.965.340
Số giảm trong năm	(1.170.797.940.322)	(11.240.829.108)
Số dư cuối năm	2.714.382.913	1.178.136.232

Chi tiết tiền gửi các nhà đầu tư ủy thác như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà đầu tư 1 (i)	1.289.287.718	-
Nhà đầu tư 2 (ii)	391.590.569	-
Nhà đầu tư 3 (iii)	309.217.036	-
Nhà đầu tư 4 (iv)	257.400.821	-
Nhà đầu tư 5 (v)	128.437.206	-
Nhà đầu tư 6 (vi)	128.437.206	-
Nhà đầu tư 7 (vii)	107.406.253	-
Nhà đầu tư 8 (viii)	102.606.104	-
VIX	-	1.178.136.232
Số dư cuối năm	2.714.382.913	1.178.136.232

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) Nhà đầu tư 1

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	53.906.395.200	-
Giá trị vốn ủy thác gửi thêm trong năm	51.315.000.000	-
Hoàn trả cọc mua chứng khoán	1.337.500.000	-
Cổ tức được nhận	1.250.000.000	-
Lãi tiền gửi	3.895.200	-
Số giảm trong năm	(52.617.107.482)	-
Chi mua chứng khoán	(51.337.500.000)	-
Phí quản lý danh mục	(1.250.000.000)	-
Phí môi giới	(13.500.000)	-
Phí xử lý giao dịch	(12.500.000)	-
Phí lưu ký	(3.592.204)	-
Phí khác	(15.278)	-
Số dư cuối năm	1.289.287.718	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(ii) Nhà đầu tư 2

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	16.808.138.615	-
<i>Giá trị vốn ủy thác gửi thêm trong năm</i>	16.000.000.000	-
<i>Hoàn trả cọc mua chứng khoán</i>	417.300.000	-
<i>Cổ tức được nhận</i>	390.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi</i>	838.615	-
Số giảm trong năm	(16.416.548.046)	-
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(16.017.300.000)	-
<i>Phí quản lý danh mục</i>	(390.000.000)	-
<i>Phí môi giới</i>	(4.212.000)	-
<i>Phí xử lý giao dịch</i>	(3.900.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(1.120.768)	-
<i>Phí khác</i>	(15.278)	-
Số dư cuối năm	391.590.569	-

(iii) Nhà đầu tư 3

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	12.937.403.314	-
<i>Giá trị vốn ủy thác gửi thêm trong năm</i>	12.315.600.000	-
<i>Hoàn trả cọc mua chứng khoán</i>	321.000.000	-
<i>Cổ tức được nhận</i>	300.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi</i>	803.314	-
Số giảm trong năm	(12.628.186.278)	-
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(12.321.000.000)	-
<i>Phí quản lý danh mục</i>	(300.000.000)	-
<i>Phí môi giới</i>	(3.240.000)	-
<i>Phí xử lý giao dịch</i>	(3.000.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(931.000)	-
<i>Phí khác</i>	(15.278)	-
Số dư cuối năm	309.217.036	-

(iv) Nhà đầu tư 4

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	10.780.950.266	-
<i>Giá trị vốn ủy thác gửi thêm trong năm</i>	10.263.000.000	-
<i>Hoàn trả cọc mua chứng khoán</i>	267.500.000	-
<i>Cổ tức được nhận</i>	250.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi</i>	450.266	-
Số giảm trong năm	(10.523.549.445)	-
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(10.267.500.000)	-
<i>Phí quản lý danh mục</i>	(250.000.000)	-
<i>Phí môi giới</i>	(2.700.000)	-
<i>Phí xử lý giao dịch</i>	(2.500.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(834.167)	-
<i>Phí khác</i>	(15.278)	-
Số dư cuối năm	257.400.821	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(v) Nhà đầu tư 5

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	5.390.502.484	-
<i>Giá trị vốn ủy thác gửi thêm trong năm</i>	5.131.500.000	-
<i>Hoàn trả cọc mua chứng khoán</i>	133.750.000	-
<i>Cổ tức được nhận</i>	125.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi</i>	252.484	-
Số giảm trong năm	(5.262.065.278)	-
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(5.133.750.000)	-
<i>Phí quản lý danh mục</i>	(125.000.000)	-
<i>Phí môi giới</i>	(1.350.000)	-
<i>Phí xử lý giao dịch</i>	(1.250.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(700.000)	-
<i>Phí khác</i>	(15.278)	-
Số dư cuối năm	128.437.206	-

(vi) Nhà đầu tư 6

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	5.390.502.484	-
<i>Giá trị vốn ủy thác gửi thêm trong năm</i>	5.131.500.000	-
<i>Hoàn trả cọc mua chứng khoán</i>	133.750.000	-
<i>Cổ tức được nhận</i>	125.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi</i>	252.484	-
Số giảm trong năm	(5.262.065.278)	-
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(5.133.750.000)	-
<i>Phí quản lý danh mục</i>	(125.000.000)	-
<i>Phí môi giới</i>	(1.350.000)	-
<i>Phí xử lý giao dịch</i>	(1.250.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(700.000)	-
<i>Phí khác</i>	(15.278)	-
Số dư cuối năm	128.437.206	-

(vii) Nhà đầu tư 7

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	4.307.201.531	-
<i>Giá trị vốn ủy thác gửi thêm trong năm</i>	4.100.000.000	-
<i>Hoàn trả cọc mua chứng khoán</i>	107.000.000	-
<i>Cổ tức được nhận</i>	100.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi</i>	201.531	-
Số giảm trong năm	(4.199.795.278)	-
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(4.107.000.000)	-
<i>Phí quản lý danh mục</i>	(90.000.000)	-
<i>Phí môi giới</i>	(1.080.000)	-
<i>Phí xử lý giao dịch</i>	(1.000.000)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(700.000)	-
<i>Phí khác</i>	(15.278)	-
Số dư cuối năm	107.406.253	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(viii) Nhà đầu tư 8

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	4.312.401.382	-
Giá trị vốn ủy thác gửi thêm trong năm	4.105.200.000	-
Hoàn trả cọc mua chứng khoán	107.000.000	-
Cổ tức được nhận	100.000.000	-
Lãi tiền gửi	201.382	-
Số giảm trong năm	(4.209.795.278)	-
Chi mua chứng khoán	(4.107.000.000)	-
Phí quản lý danh mục	(100.000.000)	-
Phí môi giới	(1.080.000)	-
Phí xử lý giao dịch	(1.000.000)	-
Phí lưu ký	(700.000)	-
Phí khác	(15.278)	-
Số dư cuối năm	102.606.104	-

(ix) Nhà đầu tư VIX

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	1.178.136.232	-
Số tăng trong năm	624.815.668.344	12.418.965.340
Giá trị vốn ủy thác gửi thêm trong năm	3.937.448.159	3.417.410.698
Nhận tiền bán chứng khoán	620.876.400.000	-
Cổ tức được nhận	-	9.000.000.000
Lãi tiền gửi	1.820.185	1.554.642
Số giảm trong năm	(625.993.804.576)	(11.240.829.108)
Chi mua chứng khoán	(619.945.085.400)	-
Phí quản lý danh mục	(4.821.532.259)	(2.101.693.548)
Phí môi giới	(931.314.600)	-
Phí lưu ký	(294.662.317)	(139.135.560)
Rút tiền ủy thác	-	(9.000.000.000)
Phí khác	(1.210.000)	-
Số dư cuối năm	-	1.178.136.232

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Giá trị đầu tư	Giá trị thị trường	Tăng so với giá trị đầu tư
Cổ phiếu niêm yết			
- Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("VSH")	105.600.000.000	119.988.000.000	14.388.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

19. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	17.427.271.989	10.000.000.000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	11.542.853.488	7.496.810.518
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	7.000.000.000	2.788.329.108
	35.970.125.477	20.285.139.626

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên trực tiếp	3.494.679.201	3.382.953.065
Chi phí bảo hiểm nhân viên trực tiếp	334.837.000	280.212.000
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.483.126.096	139.135.560
	5.312.642.297	3.802.300.625

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	5.934.007.553	4.617.717.909
Cổ tức, lợi nhuận được chia	323.000.000	3.269.624.200
Lãi tiền gửi ngân hàng	61.274.009	85.322.644
	6.318.281.562	7.972.664.753

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.523.240.851	908.302.995
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	2.076.304.026	709.413.559
Phí liên quan đến hoạt động đầu tư	81.878.859	84.694.761
	5.681.423.736	1.702.411.315

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.162.494.567	5.117.152.329
Chi phí thuê văn phòng	1.565.885.686	1.410.845.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	570.590.700	562.800.670
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	510.000.000	420.000.000
Chi phí tư vấn, kiểm toán	253.800.000	239.085.000
Thuế, phí, lệ phí	88.936.835	191.429.984
Chi phí khấu hao	59.740.264	130.795.013
	9.211.448.052	8.072.108.934

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	85.000.000

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 17% (2024: 20%) lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25.2 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.082.892.954	14.595.983.505
Thuế TNDN theo thuế suất 17%		
áp dụng cho Công ty (năm trước: 20%) (*)	3.754.091.802	2.919.196.701
- Chi phí không được khấu trừ	11.842.602	44.941.737
- Thu nhập từ cổ tức	(54.910.000)	(81.195.000)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.711.024.404	2.882.943.438

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đở

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

25.2 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

- (*) Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17% theo Điều 10 Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp 2025 (Luật số 67/2025/QH15), theo đó doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề từ 3 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng được áp dụng mức thuế suất 17%; quy định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và việc xác định tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ. Doanh thu năm 2024 của Công ty tự xác định thuộc ngưỡng nêu trên; do đó thuế suất áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025 là 17%.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi phân bổ cho các cổ đông của Công ty	18.371.868.550	11.713.040.067
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.837	1.171

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- Kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con); hoặc
 - Có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
 - Có quyền đồng kiểm soát Công ty.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết; hoặc
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành của Công ty hoặc Công ty mẹ; hoặc
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Giao dịch bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý	856.094.355	593.076.119
		Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.000.000.000	50.000.000.000
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Red Three	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý	312.837.564	253.865.746
		Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35.000.000.000	35.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Giao dịch bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty TNHH Tư Vấn Đỏ	Công ty có liên quan thành viên Hội đồng quản trị	Doanh thu Tư vấn đầu tư chứng khoán	7.000.000.000	10.000.000.000
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	Quỹ được quản lý	Phí quản lý	8.146.588.443	6.370.691.967
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng	Quỹ được quản lý	Phí quản lý	-	790.229.209
		Lợi nhuận được chia từ vốn góp	-	2.122.686.173
		Rút vốn góp đầu tư từ đơn vị khác	-	(20.000.000.000)
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Red Three	Quỹ được quản lý	Phí quản lý	3.361.378.677	335.889.342
		Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	35.000.000.000
Hội đồng quản trị của Công ty (i)		Thù lao	510.000.000	420.000.000
Tổng Giám đốc của Công ty (i)		Lương, phụ cấp	3.250.000.000	3.098.484.900

(i) Thù lao của các thành viên Hội Đồng Quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Võ Long Nguyên	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Dương Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT độc lập	150.000.000	60.000.000
Đỗ Thị Phương Lan	Tổng Giám đốc	3.250.000.000	3.098.484.900

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTQ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không chịu rủi ro tỷ giá do các tài sản tài chính của Công ty đều bằng đồng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đồ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

09-CTQ

28. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tài sản tài chính	Bắt kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
Tiền và tương đương tiền	14.462.408.501	-	-	-	14.462.408.501
Đầu tư ngắn hạn	45.008.961.650	-	-	-	45.008.961.650
Trả trước cho người bán	-	45.517.577	-	-	45.517.577
Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	1.178.931.919	-	-	1.178.931.919
Các khoản phải thu khác	-	3.209.420.316	169.983.507	-	3.379.403.823
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	-	1.241.093.835	1.241.093.835
	59.471.370.151	4.433.869.812	169.983.507	86.241.093.835	150.316.317.305
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	-	3.886.255	-	-	3.886.255
Chi phí phải trả	-	-	395.488.465	-	395.488.465
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	150.971.981	-	150.971.981
	-	3.886.255	546.460.446	-	550.346.701
Trạng thái thanh khoản ròng	59.471.370.151	4.429.983.557	(376.476.939)	86.241.093.835	149.765.970.604

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đồ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

09-CTQ

29. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	14.462.408.501	12.730.396.678	14.462.408.501	12.730.396.678
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp	45.008.961.650	18.447.302.995	(*)	(*)
Trả trước cho người bán	45.517.577	48.375.000	(*)	(*)
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.178.931.919	2.079.941.865	(*)	(*)
Phải thu khác	3.379.403.823	10.524.770.008	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn	85.000.000.000	85.000.000.000	(*)	(*)
Phải thu dài hạn khác	1.241.093.835	297.366.676	(*)	(*)
	150.316.317.305	129.128.153.222		
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	3.886.255	42.723.671	(*)	(*)
Chi phí phải trả	395.488.465	377.023.771	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	150.971.981	4.469.981	(*)	(*)
	550.346.701	424.217.423		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền thuê văn phòng		
- Đến 1 năm	2.721.018.540	427.433.288
- Từ 1 năm đến 5 năm	11.580.287.680	-
	14.301.306.220	427.433.288

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập kiêm Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc